**TUẦN 2**

**BÀI 1: CHÂN DUNG CỦA EM**

**BÀI ĐỌC 3: VỆT PHẤN TRÊN MẶT BÀN (2 tiết)**

**TIẾT 8 – 9**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Đọc thành tiếng trôi chảy toàn bài. Phát âm đúng các từ ngữ HS dễ viết sai. Ngắt nghỉ hơi đúng ngữ pháp, ngữ nghĩa. Tốc độ đọc 75 – 80 tiếng/phút. Đọc thầm nhanh.

- Hiểu nghĩa của các từ ngữ được chú giải trong bài. Trả lời được các câu hỏi về nội dung của các đoạn và nội dung, ý nghĩa câu chuyện. Hiểu được đặc điểm của nhân vật Minh trong câu chuyện.

- Thể hiện được giọng đọc phù hợp với nhân vật và tình cảm của nhân vật trong từng thời điểm.

- Bước đầu cảm nhận được những đặc điểm đáng yêu của nhân vật qua ngôn ngữ và các chi tiết miêu tả.

- Bày tỏ được cảm xúc với một số tình tiết trong câu chuyện.

**2. Năng lực chung:**

- Phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác: biết cùng các bạn thảo luận nhóm

- Phát triển năng lực tự chủ và tự học: trả lời đúng các câu hỏi đọc hiểu

**3. Phẩm chất:**

- Bồi dưỡng phẩm chất nhân ái: tình yêu thương và sự thông cảm dành cho bạn.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- GV chuẩn bị: máy tính, ti vi, tranh minh hoạ bài đọc trong SGK, giấy A0, giấy A4

- HS chuẩn bị: SGK, VBT

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:****\*Mục tiêu:** + Nắm lại bài Cái răng khểnh + Tạo không khí vui vẻ, gợi mở vào bài **\* Cách tiến hành:**  |
| - Gọi HS đọc bài: Cái răng khểnh và trả lời câu hỏi thông qua vòng quay may mắn.- GV nhận xét  | - HS đọc và TLCH |
| **-** GV mở clip: Lớp chúng mình đoàn kết<https://youtu.be/kgya75spBNs> | **-** HS hát múa vận động phụ hoạ theo lời bài hát |
| - Bài hát nhắn nhủ chúng ta điều gì ?- Chuyển ý giới thiệu bài | - Phải biết yêu thương và giúp đỡ nhau |
| - Giới thiệu bài: Vệt phấn trên mặt bàn là truyện ngắn của tác giả Nguyễn Thị Kim Hoa kể về những cô bé, cậu bé học trò nghịch ngợm, nông nổi nhưng giàu yêu thương, sẻ chia. Để biết câu chuyện này thú vị ra sao, chân dung của bạn nhỏ trong bài như thế nào, chúng ta cùng đọc bài nhé. |
| **2. Khám phá:****\*Mục tiêu:** HS luyện đọc ngắt nghỉ hơi đúng, phát âm chuẩn, tốc độ đọc đạt chuẩn. Trả lời được câu hỏi và hiểu nội dung bài. **\* Cách tiến hành:** |
| **Hoạt động 1: Đọc thành tiếng** |  |
| - GV đọc mẫu: Giọng đọc thể hiện được tâm trạng của Minh, lưu ý lời thoại của Minh và cô giáo. Lưu ý nhấn giọng các từ ngữ: cùi chỏ, nhảy chồm, rắc rối, xê ra, ranh giới, lốm đốm... |  |
| - Chia đoạn |  |
| ? Bài chia thành mấy đoạn | **-** HS trả lời: 4 đoạn+ Đoạn 1: Từ đầu đến vui vẻ.+ Đoạn 2: Nhưng cô bạn tóc xù đến hết một tuần.+ Đoạn 3: Hôm ấy đến viết bằng tay trái nữa.+ Đoạn 4: phần còn lại |
| - Gọi HS đọc nối tiếp đoạn (lượt 1) | - 4 HS đọc nối tiếp 4 đoạn, cả lớp đọc thầm |
| + GV phát hiện ra những từ HS đọc còn sai | + HS phát âm chuẩn các từ ngữ dễ sai |
| + Lưu ý các từ dễ sai: (tuỳ vào địa phương) |  |
| + Lớp, lông nhóm, nắn nót, lốm đốm, vân nâu, … (MB) |  |
| + Vệt phấn, mặt bàn, kì vọng, tay mặt, … (MN) |  |
| + Sẽ, dòng chữ, chỗ, bác sĩ, … (MT) |  |
| + Hướng dẫn HS đọc câu dài | + HS ngắt nghỉ đúng“Trong lúc Minh bặm môi,/ nắn nót từng dòng chữ trên trang vở/ thì hai cái cùi chỏ đụng nhau đánh cộp/ làm chữ nhảy chồm lên,/ rớt khỏi dòng.// |
| - Gọi HS đọc nói tiếp đoạn lượt 3 | - HS đọc |
| + Kết hợp giải nghĩa từ | + Hỏi đáp phần chú giải trong SGK theo cặp đôi. |
|  | Coi: xem, xem nàoNè: này |
|  | Tay mặt: tay phải |
|  | Vân (gỗ): những đường cong uốn lượn như hình vẽ trên mặt gỗ |
| - GV mời HS đọc toàn bài | + Hỏi thêm một số từ khác |
| **Hoạt động 2: Đọc hiểu** |  |
| - GV gọi 5 HS đọc nối tiếp 5 câu hỏi trong SGK | **-** HS đọc câu hỏi |
| - GV tổ chức theo kĩ thuật mảnh ghép | - HS thảo luận theo kĩ thuật mảnh ghép |
|  | + Bước 1: Sử dụng nhóm chuyên: 5 nhóm |
|  | – 5 câu hỏi (1-2-3-4-5) |
|  | + Bước 2: Sử dụng 5 nhóm ghép: mỗi nhóm thảo luận tổng hợp 5 câu trả lời tương ứng 5 câu hỏi.+ Bước 3: HĐ cả lớp: Hướng dẫn đại diện của 5 nhóm ghép trình bày kết quả thảo luận chung trước lớp |
| - GV tổ chức cho HS tự nhận xét, tự đánh giá | - HS tự nhận xét, tự đánh giá bạn |
| Gợi ý trả lời:? Những đặc điểm nào của người bạn mới khiến Minh chú ý-> Bạn có cái tên rất ngộ là Thi Ca và mái tóc xù lông nhím. |
| ? Vì sao Thi Ca thường đụng vào tay Minh khi đang viết- > Vì Thi Ca viết bằng tay trái |
| ? Minh dùng phấn kẻ một đường chia đôi mặt bàn để làm gì- > Để phân chia ranh giới, để Thi Ca không ngồi lại gần, tránh đụng vào tay Minh khi viết. |
| ? Khi cô giáo cho biết Thi Ca phải vào bệnh viện, Minh đã nhớ lại những gì- > Minh đã nhớ lại việc Thi Ca thường giấu tay phải vào trong hộc bàn, nhớ ánh mặt buồn của bạn lúc mình vạch đường phấn trắng. |
| ? Câu chuyện muốn nói với em điều gì- > Minh là một cậu bé giàu lòng nhân ái, khi biết về cánh tay phải bị đau của bạn, Minh rất ân hận, cảm thấy thương bạn và mong cho bạn sớm khỏi bệnh. Câu chuyện khuyên chúng ta nên dành tình yêu thương, sự chia sẻ, cảm thông với mọi người xung quanh. |
| - GV cho HS liên hệ bản thân*? Qua bài đọc, em học tập điều gì từ bạn Minh* | - HS liên hệ bản thân-> Cảm thông, chia sẻ với bạn |
| **3. Thực hành: Luyện đọc nâng cao** **\*Mục tiêu:** Rèn đọc diễn cảm, đọc phân vai thể hiện tình cảm, cảm xúc, phù hợp khi đọc, giọng đọc thay đổi phù hợp với từng nhân vật.**\* Cách tiến hành:** |
| **Hoạt động: Đọc nâng cao** |  |
| - GV tổ chức cho HS đọc diễn cảm nhóm 4 | - HS đọc trong nhóm  |
| + Lưu ý giọng đọc: HS thay đổi giọng đọc cho phù hợp với các nhân vật: | + Lưu ý giọng đọc |
| \* Người dẫn chuyện |  |
| \* Lời thoại của Minh (chú trọng đoạn tả tâm trạng của Minh) |  |
| \* Lời thoại của cô giáo |  |
| - Cho HS lựa chọn đoạn yêu thích  | - HS lựa chọn đoạn yêu thích,  |
| - Tổ chức thi đọc cá nhân + Nhận xét | - HS thi đọc diễn cảm + Nhận xét bạn |
| - Tổ chức thi đọc nhóm + Nhận xét | - HS thi đọc phân vai + Nhận xét nhóm bạn |
| - Lưu ý đoạn: Nhưng cô bạn tóc xù toàn làm Minh bực mình. Trong lúc Minh bặm môi, nắn nót từng dòng chữ trên trang vở thì hai cái cùi chỏ đụng nhau đánh cộp làm chữ nhảy chồm lên, rớt khỏi dòng. Tất cả rắc rối là do Thi Ca viết tay trái. Hai, ba lần, Minh phải kêu lên: - Bạn xê ra chút coi ! Đụng tay mình rồi nè ! |
| **4. Vận dụng** **\* Mục tiêu:**- HS nêu lại được nội dung, ý nghĩa của bài.- Nêu được những việc làm thể hiện sự cảm thông, chia sẻ với bạn**\* Cách tiến hành** |
| ? Em hãy nêu lại nội dung bài đọc | - HS nêu: Câu chuyện khuyên chúng ta nên dành tình yêu thương, sự chia sẻ, cảm thông với mọi người xung quanh. |
| ? Em hãy nói về những điều học được qua bài học | - HS: biết chia sẻ, cảm thông, yêu thương mọi người. |
| ? Các em sẽ làm gì để không mắc lỗi giống bạn Minh | - HS: quan tâm đến bạn cùng bàn, hỏi thăm và chia sẻ với những khó khăn của bạn. |
| -> GDHS tình yêu thương và sự cảm thông, chia sẻ dành cho bạn  | - HS lắng nghe và thực hiện |
| - GV nhắc HS chuẩn bị cho bài đọc 4 Những vết đinh | - HS lắng nghe và thực hi |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**:

.........................................................................................................................................................

.........................................................................................................................................................

.........................................................................................................................................................

**BÀI VIẾT 3: LUYỆN TẬP VIẾT ĐOẠN VĂN VỀ MỘT NHÂN VẬT (1 tiết)**

**THỰC HÀNH VIẾT - TIẾT 10**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Viết được đoạn văn về một nhân vật trong câu chuyện đã nghe, đã đọc.

- Có kĩ năng sửa chữa và hoàn thiện đoạn văn đã viết.

- Thể hiện được cảm nghĩ của bản thân về nhân vật và nội dung câu chuyện.

**2. Năng lực chung:**

- Phát triển năng lực tự chủ và tự học: qua hoạt động viết đoạn văn về một nhân vật trong truyện.

- Phát triển năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: qua việc sử dụng từ ngữ, cách diễn đạt, cách thể hiện nhận xét và tình cảm đối với nhân vật.

**3. Phẩm chất:**

- Bồi dưỡng phẩm chất chăm chỉ và trách nhiệm thông qua việc giải các bài tập.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- GV chuẩn bị: máy tính, ti vi, bài giảng trình chiếu

- HS chuẩn bị: SGK, VBT

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động****\*Mục tiêu:** - Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Nắm lại kiến thức đã học**\* Cách tiến hành:** |
| - Mở clip Dế Mèn con <https://youtu.be/KnvK2Nx91XU>- GV yêu cầu HS nhắc lại dàn ý (cách sắp xếp ý) trong một đoạn văn về một nhân vật | - HS nghe và hát theo- HS TLCH |
| **2. Luyện tập****\*Mục tiêu:** HS viết được đoạn văn, giới thiệu đoạn văn của mình, rèn kĩ năng nghe và viết lại những gì mình nghe, chỉnh sửa bài viết cho hoàn chỉnh**\* Cách tiến hành:** |
| **Hoạt động 1: Chuẩn bị viết đoạn văn** |  |
| - GV cho HS đọc đề bài trong SGK | - HS đọc đề bài |
| - GV cho 2-3 HS trình bày lại kết quả tìm ý và sắp xếp ý ở tiết trước (thực hiện nhanh) | - HS trình bày |
| - GV hướng dẫn tất cả HS đọc thầm lại kết quả  | - HS đọc thầm |
| tìm ý và sắp xếp ý của mình ở tiết trước. |  |
|  | - Thực hiện theo quy tắc bàn tay |
| **Hoạt động 2: Viết đoạn văn** |  |
| **-** GV yêu cầu HS viết vào vở | - HS viết đoạn văn |
| + GV theo dõi, hỗ trợ HS trong quá trình viết |  |
| **Hoạt động 3: Giới thiệu, chỉnh sửa bài viết** |  |
| - GV mời một vài HS đọc đoạn văn của mình, mời các HS khác nhận xét. | - HS đọc + Các bạn nghe và viết lại những gì mình đã nghe |
| - GV nhận xét bài làm của HS  | + Nhận xét bài bạn |
|  | + HS hoàn chỉnh đoạn văn của mình dựa trên góp ý của GV và các bạn. |
| - GV đọc và nhận xét | - HS nộp bài viết  |
| **4. Vận dụng****\*Mục tiêu:** + Củng cố những kiến thức đã học  + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.**\* Cách tiến hành:** |
| - GV mời ban cán sự chia sẻ về tiết học | - HS tự nhận xét về tiết học, về kết quả thực hành của mình và các bạn. |
| - GV nhận xét về tinh thần, thái độ học tập của lớp |  |
| - GV giao nhiệm vụ chuẩn bị cho tiết học sau “Trả bài viết đoạn văn về một nhân vật” | - HS lắng nghe thực hiện |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**:

........................................................................................................................................

........................................................................................................................................

........................................................................................................................................

**NÓI VÀ NGHE: TRAO ĐỔI: CHÂN DUNG CỦA EM, CỦA BẠN (1 tiết)**

 **TIẾT 11**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Nói mạch lạc, truyền cảm, thuyết phục về chủ đề Chân dung của em, của bạn

- Nghe, ghi chép và có ý kiến phản hồi phù hợp về bài nói của các bạn.

- Biết cách trình bày và điều chỉnh bài nói phù hợp với thái độ, phản ứng của người nghe.

- Có kĩ năng cảm nhận, so sánh về đặc điểm nhân vật trong văn bản văn học.

**2. Năng lực chung:**

- Phát triển NL giao tiếp và hợp tác: biết trao đổi cùng các bạn, chủ động, tự nhiên, tự tin; biết nhìn vào người nghe khi nói.

**3. Phẩm chất:**

- Bồi dưỡng PC nhân ái: yêu thương mọi người, tôn trọng sự khác biệt giữa mọi người, yêu quý động vật.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- GV chuẩn bị: máy tính, ti vi, giấy A0, A4.

- HS chuẩn bị: SGK, VBT

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động****\*Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS thông qua trò chơi Hoạ sĩ mù**\* Cách tiến hành:** |
| - GV tổ chức cho HS chơi trò chơi: Hoạ sĩ mù với 4 đội chơi | - HS chuẩn bị chơi |
| + Nêu luật chơi: Mỗi tổ cử 1 bạn làm hoạ sĩ. Bạn ấy có nhiệm vụ quan sát rồi vẽ lại khuôn mặt của một bạn nam hoặc nữ trong tổ. Trong khi vẽ sẽ dùng khăn bịt mắt. Sau đó cả tổ sẽ đoán tên bạn được vẽ | + HS nghe luật |
| + Tổ chức chơi | + HS chơi |
| + Nhận xét |  |
| + GV dẫn dắt vào bài |  |
| **2. Khám phá****\*Mục tiêu:** Nêu được cảm nghĩ về đặc điểm của các nhân vật trong 4 văn bản đã học **\* Cách tiến hành:** |
| **Hoạt động: Nêu cảm nghĩ về đặc điểm của các nhân vật trong những câu chuyện, bài thơ đã học (BT1)** |  |
| - GV cho HS đọc yêu cầu của BT  | - HS thực hiện yêu cầu bài tập theo nhóm |
| - Tổ chức theo kĩ thuật mảnh ghép | + Bước 1: 4 nhóm chuyên trao đổi về 4 nhân vật trong 4 văn bản (bạn nhỏ trong bài thơ Tuổi Ngựa, nhân vật Hồng trong câu chuyện Làm chị, bạn nhỏ trong câu chuyện Cái răng khểnh, nhân vật Minh trong câu chuyện Vệt phấn trên mặt bàn.)+ Bước 2: Các nhóm ghép trao đổi về cả 4 nhân vật. + Bước 3: Đại diện của các nhóm ghép trình bày trước lớp về ý kiến của nhóm. |
| - GV tổ chức cho HS nhận xét đánh giá bài nói của nhau | - HS nhận xét, đánh giá bài viết của bạn |
| VD: Cậu bé trong câu chuyện Cái răng khểnh ban đầu không thích cái răng khểnh của mình, sợ các bạn trêu nên cậu rất ít khi cười. Sau lần nói chuyện với bố, cậu bé đã hiểu ra rằng, mỗi người đều có một “nét riêng”, một điều bí mật làm nên vẻ đẹp riêng của người đó. Cậu bé không còn mặc cảm nữa, đã tự tin về nụ cười của mình và cậu còn sẵn sàng chia sẻ điều bí mật của mình với cô giáo. Điểm đáng yêu của bạn nhỏ này là đã tiếp thu và thay đổi quan niệm rất nhanh sau khi được nghe bố giải thích, biết yêu quý những đặc điểm riêng biệt của bản thân mình. |
| - GV kết hợp kiểm tra nội dung ghi chép của một số HS khi nghe | - HS nghe và ghi chép (đây là một kĩ năng mới cần được rèn luyện) |
| **3. Luyện tập** **\*Mục tiêu:** HS nói về cách ứng xử tình huống**\* Cách tiến hành:** |
| **Hoạt động 1: Nói về cách ứng xử của em (BT 2)** |  |
| - GV gọi HS nêu tình huống | - HS nêu tình huống: Em sẽ ứng xử thế nào:a) Nếu bạn em có một đặc điểm (về ngoại hình hoặc tính cách) khác biệt mọi người ?b) Nếu em có một đặc điểm (về ngoại hình hoặc tính cách) khác biệt mọi người ? |
|  | + HS thảo luận nhóm 4 trao đổi về 2 tình huống  |
| + GV tổ chức cho HS trình bày ý kiến | + Đại diện nhóm trình bày ý kiến trước lớp |
| + Gv nghe và tổng hợp ý kiến, đưa ra nhận xét chung  | + HS nghe và nhận xét  |
| VD: + Nếu bạn của em có một đặc điểm ngoại hình hoặc tính cách khác biệt mọi người, em sẽ luôn tôn trọng những khác biệt đó của bạn. Nếu như một người khác nói về điều đó, em sẽ giúp người đó hiểu rằng ai cũng có đặc điểm riêng, cần tôn trọng.+ Nếu em có một đặc điểm về ngoại hình hoặc tính cách khác biệt mọi người, em sẽ tự tin thể hiện điều đó, không cần che giấu. Em sẽ luôn sống thật với mình, yêu quý những gì mình có. |
| - GV kết hợp kiểm tra nội dung ghi chép của một số HS trong khi nghe. | - HS nghe và ghi chép nội dung đã nghe |
| **Hoạt động 2: Nói về những đức tính mà em thích ở một người bạn (BT 3)** |  |
| - GV gọi HS nêu tình huống | - HS nêu tình huống: Nói về những đức tính mà em thích ở một người bạn |
|  | + HS thảo luận nhóm 2 trao đổi về tình huống  |
| + GV tổ chức cho HS trình bày ý kiến | + Đại diện nhóm báo cáo kết quả trước lớp |
| + GV nghe và tổng hợp ý kiến, đưa ra nhận  | + HS nghe và nhận xét  |
| xét chung |  |
| VD: Mỹ Linh là bạn gái dễ thương nhất lớp em. Linh hấp dẫn mọi người bởi nụ cười tươi và sự nhiệt tình giúp đỡ bạn bè. Trong lơp, có bạn quên đồ dùng học tập, Linh sẵn sàng lấy đồ dự phòng của mình cho bạn mượn. Không phải phiên tổ mình trực nhật, Linh vẫn sẵn sàng giúp các bạn lau bảng, lấy nước rửa tay. Vào những giờ giải lao, Linh còn tranh thủ giảng Toán, Tiếng Việt cho các bạn còn chậm của lớp. Em rất yêu quý Linh và thấy mình cần học tập những đức tính tốt của bạn. |
| - GV kết hợp kiểm tra nội dung ghi chép của một số HS trong khi nghe. | - HS nghe và ghi chép nội dung đã nghe |
| **4. Vận dụng****\*Mục tiêu:** + Củng cố những kiến thức đã học  + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.**\* Cách tiến hành:** |
| - GV nhận xét về tinh thần, thái độ học tập, kết quả của tiết học, tuyên dương HS có tiến bộ về kĩ năng nói | - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm |
| - GV khuyến khích HS về nhà nói lại cho các thành viên trong gia đình nghe những điều em mới học được về tôn trọng sự khác biệt hoặc về một người bạn mà em quý mến.  | - HS lắng nghe thực hiện |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**:

........................................................................................................................................

........................................................................................................................................

........................................................................................................................................

**BÀI ĐỌC 4: NHỮNG VẾT ĐINH (1 tiết)**

 **TIẾT 12**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Đọc thành tiếng trôi chảy toàn bài. Phát âm đúng từ chứa âm vần HS dễ đọc sai. Ngắt nghỉ hơi đúng ngữ pháp và ngữ nghĩa. Tốc độ đọc 75 – 80 tiếng phút. Đọc thầm nhanh.

- Hiểu nghĩa các từ trong bài, VD: kiềm chế, hãnh diện, xúc phạm, tinh thần, … Hiểu ý nghĩa của bài đọc: mỗi người phải tự rèn luyện đức tính điềm tĩnh, tránh cáu giận làm tổn thương đến người khác và cả chính mình.

- Thể hiện giọng đọc diễn cảm phù hợp với nội dung, ý nghĩa của bài.

- Bày tỏ cảm xúc trước ý nghĩa sâu sắc của câu chuyện.

**2. Năng lực chung:**

- Phát triển NL giao tiếp và hợp tác: biết cùng các bạn thảo luận nhóm.

**3. Phẩm chất:**

- Bồi dưỡng PC nhân ái: yêu thương mọi người, tránh làm tổn thương đến người khác.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- GV chuẩn bị: máy tính, ti vi, giấy A0, A4.

- HS chuẩn bị: SGK, VBT

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:****\*Mục tiêu: +** HS ôn lại kiến thức của bài đọc đã học. Nắm lại bài Vệt phấn trên mặt bàn, gợi mở vào bài. + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học.**\* Cách tiến hành:**  |
| - Gọi HS đọc bài: Vệt phấn trên mặt bàn và trả lời câu hỏi thông qua vòng quay may mắn.+ GV nhận xét  | - HS đọc diễn cảm bài, nhắc nội dung, ý nghĩa của bài đọc, đặc điểm của nhân vật trong bài. |
| - GV giới thiệu bài: Ở các bài trước, chúng ta đã ngắm các bức chân dung dễ thương, đáng yêu của các bạn nhỏ. Hôm nay, câu chuyện Những vết đinh sẽ giúp các em có thêm một bài học ý nghĩa về việc rèn luyện những đức tính tốt của con người. | - HS lắng nghe |
| **2. Khám phá** **\*Mục tiêu:** HS đọc đúng, hiểu nội dung bài và thể hiện cảm xúc khi đọc**\* Cách tiến hành:**  |
| **Hoạt động 1: Đọc thành tiếng** |  |
| **-** Mở clip: Những vết đinh <https://youtu.be/aR5kIHPQ2AQ> |  |
| ? Em có nhận xét gì về cách đọc của cô giáo trong clip | - HS trả lời: Gọng đọc khoan thai, rõ ràng, giúp người nghe dễ theo dõi nội dung câu chuyện. |
| - GV gọi 1 HS đọc tốt đọc toàn bài | - HS đọc |
| - Chia đoạn |  |
| ? Bài chia thành mấy đoạn | **-** HS trả lời: 2 đoạn+ Đoạn 1: Từ đầu đến dễ hơn là đóng một cái đinh lên hàng rào.+ Đoạn 2: Phần còn lại |
| - Gọi HS đọc nối tiếp đoạn (lượt 1) | - 2 HS đọc nối tiếp 2 đoạn, cả lớp đọc thầm |
| + GV phát hiện ra những từ HS đọc còn sai | + HS phát âm chuẩn các từ ngữ dễ sai |
| + Lưu ý các từ dễ sai: cáu kỉnh, kiềm chế, nóng giận, cáu giận, hãnh diện, xúc phạm, … |  |
| + Hướng dẫn HS đọc câu dài | + HS ngắt nghỉ đúngNgày lại ngày trôi qua,/ rồi cũng đến một hôm/ cậu bé hãnh diện khoe với cha rằng/ không còn một cái đinh nào trên hàng rào.// |
| - Gọi HS đọc nói tiếp đoạn (lượt 2) | - HS đọc |
| + Kết hợp giải nghĩa từ | + Hỏi đáp phần chú giải trong SGK theo cặp đôi. (kiềm chế, hãnh diện, xúc phạm, tinh thần) |
|  | + Hỏi thêm một số từ khác |
| - GV mời HS đọc toàn bài | - HS đọc toàn bài |
| **Hoạt động 2: Đọc hiểu** |  |
| - GV cho HS đọc nối tiếp 4 câu hỏi |  |
| - GV tổ chức cho HS hoạt động nhóm 4 | - HS hoạt động thảo luận  |
| - GV tổ chức trò chơi phóng viên nhí | - HS tham gia trò chơi trình bày ý kiến về các câu hỏi  |
| ? Người cha dạy con trai kiềm chế tính nóng nảy bằng cách nào->Người cha khuyên con mỗi lần cáu kỉnh với ai đó thì đóng một chiếc đinh lên hàng rào gỗ. |
| ? Khi cậu bé đã kiềm chế được tính nóng nảy, người cha bảo cậu làm gì-> Người cha bảo cậu, sau một ngày không cáu giận thì nhổ bớt một cái đinh trên hàng rào. |
| ? Em hiểu “vết đinh” trong câu “Dù con đã nhổ đinh đi, vết đinh vẫn còn” chỉ điều gì -> “Vết đinh” tượng trưng cho những ấn tượng xấu, những tổn thương mà sự nóng giận gây ra. |
| ? Hãy nói về một lần em giận dỗi hoặc cáu kỉnh với ai đó. Nêu suy nghĩ của em về việc ấy-> VD: Một buổi chiều, mẹ em có việc đột xuất ở cơ quan và đến đón em rất muộn. Thầy cô và các bạn đã về hết, chỉ còn lại em và bác bảo vệ. Em đã vô cùng cáu giận. Khi mẹ đến em đã vùng vằng bỏ đi, không chịu lên xe để về nhà. Mẹ dắt xe lão đéo theo sau. Bác bảo vệ cứ nhìn em và lắc đầu. tối hôm đó, khi bình tĩnh lại em đã xin lỗi mẹ. bây giờ, nghĩ lại chuyện đó em rất xấu hổ. Xấu hổ với mẹ, với bác bảo vệ và cả với chính mình.-> VD: Hôm ấy mẹ ốm và không nấu nhiều món ngon như thường ngày. Khi thấy bữa ăn không có món mình thích em đã giận dỗi, chê những món mẹ nấu và bỏ không ăn cơm. Nghĩ lại, em thấy rất ân hận và hiểu rằng mình đã sai khi chưa biết thương mẹ khi mẹ ốm mà còn đòi hỏi không phù hợp, không trân trọng công sức nấu nướng của mẹ. Em rút ra cho mình bài học về cách quan tâm, yêu thương và trân trọng công sức của ngững người thân yêu.  |
| **3. Thực hành: Luyện đọc nâng cao** **\*Mục tiêu:** Rèn đọc diễn cảm, thể hiện tình cảm, cảm xúc, phù hợp khi đọc.**\* Cách tiến hành:** |
| Ngày lại ngày trôi qua,/ rồi cũng đến một hôm/ cậu bé hãnh diện khoe với cha rằng/ không còn một cái đinh nào trên hàng rào.// Cha liền dẫn cậu đến bên hàng rào,/ bảo: //- Con đã làm việc rất tốt.// Nhưng hãy nhìn lên hàng rào:// Dù con đã nhổ đinh đi,/ vết đinh vẫn còn.// Nếu con xúc phạm đến ai đó trong cơn giận,/ lời xúc phạm của con cũng giống như những vết đinh này:// Chúng để lại những vết thương khó lành trong lòng người khác/ và cả trong lòng con nữa.// Mà vết thương tinh thần/ còn tệ hơn những vết đinh rất nhiều. |
| - GV tổ chức cho HS đọc diễn cảm nhóm 4 đoạn văn trên | - HS đọc trong nhóm  |
| - Tổ chức thi đọc cá nhân + Nhận xét | - HS thi đọc diễn cảm + Nhận xét bạn |
| **4. Vận dụng** **\* Mục tiêu:**- HS nêu lại được nội dung, ý nghĩa của bài.- Biết tự kiềm chế cơn giận, rèn luyện đức tính điềm tĩnh. Sống chan hoà, thân ái.**\* Cách tiến hành** |  |
| - GV cho HS tự nhận xét, đánh giá bản thân mình  | - HS trả lời  |
| ? Em có cáu kỉnh với mọi người xung quanh không  |  |
| ? Khi trút sự giận dữ lên người khác em cảm thấy thế nào ?  | - HS trả lời: bản thân không được thanh thản, nhẹ nhõm |
| ? Một cơn giận sẽ gây ra hậu quả như thế nào | - HS trả lời: khiến người khác bị tổn thương sâu sắc, khó xoá nhoà |
| ? Qua bài đọc này em rút ra điều gì cho bản thân | - HS trả lời: Mỗi người phải tự rèn luyện đức tính điềm tĩnh, tránh cáu giận làm tổn thương đến người khác và cả chính mình |
| - GV tổng hợp ý kiến | - HS cùng GV tham gia nhận xét |
| + Nhận xét, tuyên dương  |  |
| - GV hướng dẫn HS vận dụng bài học rút ra từ câu chuyện Những vết đinh vào cuộc sống hằng ngày. Qua bài học này các em hiểu để thay đổi, sống sao cho thật chan hoà và thân ái với những người xung quanh.  | - HS lắng nghe, thực hiện tốt |
| - Dặn HS chuẩn bị bài: Văn hay chữ tốt |  |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**:

........................................................................................................................................

........................................................................................................................................

........................................................................................................................................

**LUYỆN TỪ VÀ CÂU: DẤU GẠCH NGANG (1 tiết)**

 **TIẾT 13**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Nhận biết được công dụng đánh dấu chuỗi liệt kê của dấu gạch ngang.

- Sử dụng dấu gạch ngang khi viết văn bản.

**2. Năng lực chung:**

- Phát triển NL giao tiếp và hợp tác: tham gia hoạt động nhóm, trò chơi.

- Phát triển năng lực tự chủ và tự học: thực hiện bài tập ở lớp và ở nhà.

**3. Phẩm chất:**

- Bồi dưỡng PC chăm chỉ, trách nhiệm: thông qua hoạt động học tập và hợp tác với bạn bè.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- GV chuẩn bị: máy tính, ti vi, bài giảng trình chiếu các BT, A4. Vật dụng đầy đủ cho trò chơi em đi siêu thị.

- HS chuẩn bị: SGK, VBT

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:****\*Mục tiêu:** + Nắm lại kiến thức về dấu gạch ngang đã học ở lớp 3 + Biết lấy một ví dụ về tác dụng của dấu gạch ngang dùng để đánh dấu lời nói của các nhân vật trong đối thoại. + HS hào hứng, gợi mở vào tiết học**\* Cách tiến hành:** |
| - GV yêu cầu HS nhắc lại kiến thức về dấu gạch ngang đã học ở lớp 3.  | - HS trả lời: Dấu gạch ngang dùng để đánh dấu lời nói của các nhân vật trong đối thoại. |
| ? Em hãy lấy một ví dụ + GV nhận xét | - HS lấy ví dụ: *Tuần này em học hành chăm chỉ, luôn được cô giáo khen. Cuối tuần, như thường lệ, bố hỏi:* *- Con gái của bố học hành như thế nào?**Em đã chờ đợi câu hỏi này của bố nên vui vẻ trả lời ngay:* *- Con thường xuyên được cô giáo khen bố ạ.* |
| - GV tổ chức cho HS chơi trò chơi “ Em đi siêu thị”+ Mời 10 HS tham gia, chia làm 2 đội+ Mỗi đội nhận 100.000 đồng và 1 cái giỏ+ Giao nhiệm vụ: Với số tiền 100.000 đồng em hãy đến siêu thị mua các mặt hàng vừa đủ với số tiền, ít nhất phải có 3 mặt hàng. Sau đó hãy liệt kê những mặt hàng mình đã mua. | - HS chơi trò chơi |
| + Đội thắng là đội mua đủ số tiền và nhanh |  |
| - GV nhận xét trò chơi | - Liệt kê kết quả mua sắm  |
| - Giới thiệu bài: Ở lớp 3, các em đã biết dấu gạch ngang được dùng để đánh dấu lời nói của các nhân vật trong đối thoại. Hôm nay, chúng ta tìm hiểu thêm một tác dụng nữa của dấu câu câu này. | - HS nghe |
| **2. Khám phá****\*Mục tiêu:** **+** Nắm được tác dụng của dấu gạch ngang được dùng để đánh dấu các ý trong một đoạn liệt kê.**\* Cách tiến hành:** |
| **Hoạt động 1: Nhận xét** |  |
| - GV gọi HS đọc BT: Dấu gạch ngang trong bảng sau được dùng làm gì ? | - HS đọc BT ở phần Nhận xét |
|  |  |
| - GV tổ chức HS thảo luận nhóm đôi | - HS thảo luận theo cặp |
|  | - HS một số nhóm báo cáo kết quả |
| + GV nhận xét nêu đáp án đúng: Trong bảng này, dấu gạch ngang được dùng để đánh dấu các ý trong một đoạn liệt kê. | + HS khác nhận xét, nêu ý kiến |
| **Hoạt động 2: Rút ra bài học** |  |
| ? Dấu gạch ngang dùng để làm gì | - HS rút ra kiến thức cần nhớ |
| - Gọi HS nêu lại phần bài học  | - HS nêu và ghi nhớ |
| **3. Luyện tập****\*Mục tiêu:** **+** Viết được đoạn văn sử dụng dấu gạch ngang để đánh dấu các ý được liệt kê**\* Cách tiến hành:** |
| **Hoạt động 1: Viết lại đoạn văn, sử dụng dấu gạch ngang để đánh dấu các ý được liệt kê (BT1)** |  |
| - GV yêu cầu HS đọc yêu cầu BT 1 | - HS đọc |
| - GV tổ chức thảo luận nhóm | - HS hoạt động nhóm – viết lại đoạn văn, trong đó có sử dụng dấu gạch ngang đánh dấu các ý được liệt kê. |
| + GV nhận xét, tổng kết | + HS đại diện trình bày |
| Trẻ em có bổn phận sau đây: - Yêu quý, kính trọng, hiếu thảo với ông bà, cha mẹ.- Kính trọng thầy giáo, cô giáo - Lễ phép với người lớn.- Thương yêu em nhỏ.- Đoàn kết với bạn bè- Giúp đỡ người già yếu, người khuyết tật, tàn tật, người gặp hoàn cảnh khó khăn |
| **Hoạt động 2: Viết đoạn văn, sử dụng dấu gạch ngang để đánh dấu các ý được liệt kê (BT2)** |  |
| - GV yêu cầu HS đọc yêu cầu BT 1 | - HS đọc |
| - GV yêu cầu HS làm cá nhân | - HS làm việc độc lập, thực hiện BT2 |
| + GV nhận xét, tổng kết | + HS trình bày |
| VD: Mặc dù còn phải cố gắng rèn luyện nhiều nhưng em là một cô bé có nhiều ưu điểm:- Biết giúp đỡ bạn bè và những người xung quanh.- Luôn chăm chỉ và quyết tân trong học tập.- Biết giúp đỡ bố mẹ làm việc nhà- Biết lễ phép với người lớn tuổi.  |
| **4. Vận dụng****\*Mục tiêu: Củng cố lại tác dụng của dấu gạch ngang****\* Cách tiến hành:** |
| - Tổ chức chia sẻ lại kiến thức các em vừa học bằng trò chơi Ai nhanh ? Ai đúng ? ? Em hãy liệt kê những mặt hàng em bạn đi siêu thị mua trong hoạt động khởi động có sử dụng dấu gạch ngang | - HS thực hiện - 2 HS lên bảng thi đua liệt kê |
| + GV nhận xét |  |
| - GV nhận xét, đánh giá về tiết học. | - HS lắng nghe |
| - GV nhắc HS vận dụng kiến thức về dấu gạch ngang vào việc viết văn bản. Chuẩn bị cho bài học Danh từ chung, danh từ riêng  |  |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**:

........................................................................................................................................

........................................................................................................................................

........................................................................................................................................

**GÓC SÁNG TẠO: EM TUỔI GÌ ? (1 tiết)**

 **TIẾT 14**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Đọc chính xác tên các năm âm lịch và tên con vật tương ứng.

-Nói rõ ràng, truyền cảm về con giáp biểu tượng của năm nay hoặc năm sinh của bản thân; giới thiệu và bình chọn được sản phẩm viết sáng tạo của nhóm (hoặc cá nhân).

- Viết được đoạn văn (đoạn thơ) về con giáp yêu thích hoặc con giáp là tuổi của mình.

- Biết lựa chọn tranh, ảnh hoặc vẽ trang trí phù hợp nội dung bài viết.

- Biết thể hiện cảm xúc khi đọc, nói, viết về tuổi và các con giáp.

**2. Năng lực chung:**

- Phát triển NL giao tiếp và hợp tác: tham gia hoạt động nhóm, lớp.

- Phát triển năng lực tự chủ và tự học: qua việc tìm hiểu về năm âm lịch và các con vật biểu tượng của năm.

- Phát triển năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: qua hoạt động viết và trang trí bài viết.

**3. Phẩm chất:**

- Bồi dưỡng PC tự tin, nhân ái: yêu các con vật.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- GV chuẩn bị: máy tính, ti vi, tranh 12 con giáp phóng to, giấy A0, A4, giấy có dòng kẻ ô li.

- HS chuẩn bị: tranh (ảnh) con vật biểu tượng của năm hoặc của tuổi mình (bạn trong nhón); kéo, hồ dán, gấy màu, bút màu.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:****\*Mục tiêu:** + Tạo không khí vui vẻ, gợi mở vào bài.**\* Cách tiến hành:** |
| **-** Mở clip: 12 con giáp<https://youtu.be/VQEG9hkFqp8>- Bài hát có bao nhiêu con giáp ? Đó là những con giáp nào ?- GV chốt, chuyển ý vào bài- Giới thiệu bài: Tuần trước các em đã làm quen với một bạn nhỏ trong bài thơ Tuổi Ngựa của nhà thơ Xuân Quỳnh. Bạn nhỏ tuổi ngựa thích đi đây đi đó nhưng vẫn luôn nhớ mẹ, yêu mẹ. Còn các em tuổi gì, tuổi ấy đáng yêu như thế nào ? Trong bài Góc sáng tạo: Em tuổi gì ? hôm nay, chúng ta sẽ làm quen tên các năm âm lịch và nói viết về các năm, các tuổi ấy nhé. Mong chúng ta sẽ có một tiết học vui, bổ ích và sáng tạo.  | **-** HS hát theo lời bài hát 12 con giáp- Phải biết yêu thương và giúp đỡ nhau |
| **2. Khám phá:****\*Mục tiêu:** + HS biết tên các con giáp, biết mỗi con giáp tượng trưng cho con vật nào ?+ HS nói được về con giáp mình thích**\* Cách tiến hành:** |
| **Hoạt động 1: Đọc tên con giáp; cho biết mỗi con giáp tượng trưng cho con vật nào (BT1)** |  |
| - GV sử dụng SGK để tổ chức HĐ khởi động: Yêu cầu HS đọc và nắm yêu cầu của BT1. |  |
| - GV bổ sung: Đây là tên những con vật rất quen thuộc đối với người Việt Nam ta. |  |
| - GV tổ chức trò chời “Truyền điện” | - HS đọc tên các năm âm lịch và 1 HS khác nói nhanh tên các con vật tương ứng VD: Tí – Chuột; Sửu – Trâu; Dần – Hổ; Mão – mèo; Thìn – Rồng; Tị - Rắn; Ngọ - Ngựa; Mùi – dê; Thân – Khỉ; Dậu – Gà; Tuất – Chó; Hợi – Lợn;  |
| - GV trình chiếu 12 con giáp  | - HS đọc to cả 12 năm và tên 12 con vật biểu tượng trước lớp. |
| **Hoạt động 2: Trao đổi về con giáp (BT 2)** |  |
| - GV yêu cầu HS nêu BT 2  | - HS nêu và tìm hiểu yêu cầu của đề bài |
| **Ý a) Nói về con giáp mà em thích** |  |
| - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm: Hướng dẫn HS trao đổi với nhau về con giáp mà em thích. | - HS thảo luận nhóm 4 |
| ? Em thích con giáp nào ? Vì sao |  |
| - GV mở rộng hỏi về con giáp của năm nay? Năm nay là con giáp gì ? Ưu điểm cảu con giáp năm nay là gì  | - HS trả lời |
| VD: Năm nay là năm Sửu. Con vật biểu tượng của năm nay là con trâu. Con trâu là con vật khoẻ mạnh, hiền lành, cần cù lao động. con trâu gắn bó thân thiết với người nông dân, góp phần đem lại cuộc sống ấm no. |
| **Ý b) Nói về con giáp là tuổi của em** |  |
| - GV cho HS nhắc lại yêu cầu b của BT 2 |  |
| ? Em sinh năm nào ? Em thích con giáp là tuổi của em ở những đặc điểm nào |  |
| - GV tổ chức HĐ trao đổi  | - HS trao đổi theo cặp đôi nói chuyện với nhau về năm sinh, con giáp biểu tượng của mình |
| VD: Em sinh năm 2012, theo âm lịch là năm Thìn – năm con Rồng.Con rồng là con vật tượng trưng của người dân Việt Nam. Vì coi mình là “con Rồng cháu Tiên”, người Việt coi rồng là con vật cao quý, linh thiêng nhưng cũng gần gũi với con người, nó uốn lượn trên những tầng mây, có thể làm mưa cho vạn vật, cây cối tốt tươi. Em thích những đặc điểm trên của con rồng.  |
| - GV lưu ý: Khi nói về các con giáp, cần hướng dẫn HS nói về những đặc điểm tích cực  |  |
| VD: + Con chuột nhanh nhẹn, khôn ngoan, đứng đầu các con giáp.+ Con trâu khoẻ mạnh, hiền lành, chăm chỉ.+ Con hổ khoẻ mạnh là chúa sơn lâm.+ Con mèo nhanh nhẹn, đáng yêu.+ Con rồng biết bay, làm mưa, tượng trưng cho vua.+ Con rắn kiên nhẫn, linh lợi.+ Con ngựa nhânh nhẹn, khoẻ mạnh, trung thành.+ Con dê hiền lành, nhanh nhẹn.+ Con khỉ thông minh, nhanh nhẹn.+ con gà hiền lành, chăm chỉ, gọi em thức dậy mỗi sáng.+ Con chó thông minh, trung thành.Con lợn hiền lành, được sống no đủ. |
| **III. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP** |
| **3. Luyện tập:****\*Mục tiêu:** + HS biết viết và trang trí con giáp mình thích, con giáp là tuổi của mình+ HS biết giới thiệu về con giáp mình thích, con giáp là tuổi mình+ HS bình chọn bài trang trí đẹp, giới thiệu hay.**\* Cách tiến hành:** |
| **Hoạt động 1: Viết và trang trí (BT3)** |  |
| - GV gọi HS nêu yêu cầu  | - HS đọc BT 3, tìm hiểu yêu cầu của đề bài |
|  | - HS thảo luận nhóm 4: các nhóm lựa chọn đề bài, thảo luận và tiến hành viết đoạn văn hoặc đoạn thơa) Con giáp mà em thíchb) Con giáp là tuổi của em |
| - GV hướng dẫn HS hoàn thiện bài viết | - HS đọc và nhận xét |
| - GV sửa bài viết  |  |
| - GV hướng dẫn HS trang trí bài viết bằng tranh, ảnh sưu tầm hoặc vẽ trực tiếp tranh con vật vào bài |  |
| VD:

|  |  |
| --- | --- |
|  | a) Con giáp mà em thích là con trâu. Con trâu là con vật hiền lành, khoẻ mạnh, cần cù lao động. Con trâu là người bạn, gắn bó thân thiết, vất vả sớm trưa với người nông dân Việt Nam. Ca dao có câu: “Trên đồng cạn, dưới đồng sâu. Chồng cày, vợ cấy, con trâu đi bừa”. Con trâu cũng là con vật vui tính, luôn đem lại sự may mắn, niềm vui chiến thắng cho con người. Chính vì vậy, con trâu vàng được chọn là biểu tượng của SEA GAMES 22.  |
|  | b) Em sinh năm Thìn, theo lời mẹ là tuổi con Rồng. con Rồng là con vật cao quý, lính thiêng nhưng cũng rất gần gũi với con người. Em là một cô bé xinh đẹp và thông minh. Tính em hơi tinh nghịch nhưng cũng rất dịu dàng. Em lễ phép với người lớn tuổi và hoà nhã với bạn bè. Em thích học môn Tiếng Việt, thích làm thơ. Em cũng rất thích mặc quần áo đẹp. Mẹ thường bảo: “Con bé này đúng là tuổi Rồng”. |
|  | c*) Tuổi Rồng**Rồng con ẩn trong mây**Vội chui vào bụng mẹ**Chín tháng sau thành người**Giờ nói cười vui vẻ.**Rồng bé mà quyết tâm**Sống nhạy cảm ân cần**Luôn giàu* trí tưởng tượngYêu thương khắp xa gần.Giờ Rồng con mạnh mẽHọc chăm chỉ, dẫn đầuSuy nghĩ lại rất sâuRồng mạnh đầu con giáp. |

 |
| **Hoạt động 2: Giới thiệu và bình chọn sản phẩm** |  |
| - GV gọi HS đọc yêu cầu BT 4 | - HS đọc yêu cầu |
| - Tổ chức cho HS giới thiệu và bình chọn sản phẩm |  |
| - GV hướng dẫn các nhóm trình bày sản phẩm lên giấy A0 trên tường hoặc bảng lớp  |  |
| - Kĩ thuật phòng tranh  | - HS trưng bày và đại diện nhóm lên giới thiệu sản phẩm |
| - Tổ chức bình chọn bài viết hay, trang trí đẹp |  |
| **4. Vận dụng** (5 phút).**\* Mục tiêu:**- HS nhận xét được giờ học và nói được mong muốn của mình sau khi học xong bài về nhà biết nói cho người thân nghe về các con giáp**\* Cách tiến hành:** |
|  | ? Hoạt động nào trong tiết học làm em thích nhất |
|  | ? Sau tiết học, em đã biết làm những việc gì ? Em mong muốn điều gì ở những bài Góc sáng tạo tiếp theo |
| - GV nhận xét, đánh giá về tinh thần, thái độ học tập và sản phẩm của HS, tuyên dương những em có bài nói, bài viết hay, sản phẩm trang trí đẹp, những HS tiến bộ hơn các buổi học trước. |  |
| - Dặn HS chia sẻ cho người thân những điều em biết về các con giáp và chuẩn bị bài Góc sáng tạo: Ai chăm, ai ngoan ?  | - HS lắng nghe và thực hiện  |

 **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**:

........................................................................................................................................................

.........................................................................................................................................................

........................................................................................................................................................